

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2026/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo số 01
(14/8/2026)

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

(TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW NGÀY 08/6/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số .../2026/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số .../2026/QH15.

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư là tập hợp dữ liệu về các dự án đầu tư và hoạt động đầu tư trên phạm vi toàn quốc, được tổ chức, quản lý, khai thác, chia sẻ và kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.”;

b) Bổ sung khoản 3a như sau:

3a. Cổng một cửa đầu tư quốc gia bao gồm hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư, cơ sở dữ liệu liên quan và hạ tầng kỹ thuật hệ thống.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế. Việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ và

đảm bảo đầu tư phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân; góp phần nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia.”.

3. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 8 như sau:

“3a. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, trường hợp cần thiết để thu hút các dự án đầu tư chiến lược, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và các dự án khác mà cần có yêu cầu nới lỏng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, Chính phủ xem xét, quyết định cho phép nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu tối đa 100% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế hoạt động trong các ngành, nghề¹ thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở bảo đảm an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia, dân tộc.”.

4. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 12 như sau:

“1a. Nhà nước có chính sách bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định, nhất quán, chi phí tuân thủ thấp, có khả năng dự báo cao, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ và e như sau:

“đ) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, mua bán, tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ công nghệ;

e) Hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển trị thường, cung cấp thông tin;”;

b) Bổ sung các điểm h1, h2, h3, h4 vào sau điểm h như sau:

“h1) Hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng;

h2) Hỗ trợ sản xuất, cải tiến sản phẩm, công nghệ;

h3) Hỗ trợ đầu tư ban đầu, đầu tư tạo tài sản cố định;

h4) Hỗ trợ hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu;”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

1. Chính phủ quy định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh

¹ Dự kiến một số ngành, nghề sau: Sản xuất tàu bay và tàu vũ trụ; Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt ngoại trừ chụp ảnh trên không; Kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ; Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải; Dịch vụ quảng cáo; Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán; Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch; Dịch vụ thẩm định giá; Dịch vụ chụp ảnh chân dung; Dịch vụ triển lãm; Dịch vụ hội chợ và triển lãm thương mại; Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.

tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ;

b1) Dự án đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến; công nghệ năng lượng và vật liệu tiên tiến, công nghiệp xanh; dịch vụ logistics hiện đại, dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ tài chính, thương mại, đổi mới sáng tạo có giá trị gia tăng cao, kho dự trữ năng lượng, dự trữ hàng hóa cho khu vực và quốc tế có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ²;

c) Dự án đầu tư khác (bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt

a) Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này.

b) Các dự án được áp dụng hỗ trợ đầu tư đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực: công nghiệp điện tử, chip bán dẫn và thiết bị số; trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và chuỗi khối; công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến; công nghệ năng lượng và vật liệu tiên tiến, công nghiệp xanh; logistics hiện đại, dịch vụ chuỗi cung ứng có giá trị gia tăng cao, các dự án đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu, kho dự trữ năng lượng, dự trữ hàng hóa cho khu vực và quốc tế được xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước như sau:

b1) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí hợp lệ đủ điều kiện để phát triển nhà cung ứng trong nước tham gia vào chuỗi giá trị.

² Cụ thể hóa tổng vốn đầu tư và tiến độ giải ngân tại Nghị định, dự kiến tổng vốn 15.000 tỷ đồng, giải ngân 10.000 tỷ đồng trong vòng 5 năm.

b2) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí hợp lệ đủ điều kiện cho các Dự án nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài liên kết với các viện, trường, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp trong nước.

b3) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực cho người lao động là người Việt Nam.

b4) Hỗ trợ tối đa 2% chi phí đầu tư tạo tài sản cố định cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng lợi nhuận chưa chuyển về nước để mở rộng đầu tư tại Việt Nam.

4a. Nguyên tắc áp dụng và thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt:

a) Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các cam kết đã đăng ký; báo cáo định kỳ việc thực hiện cam kết hàng Quý, hàng năm theo quy định tại Điều 47 của Luật này và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo. Việc đánh giá kết quả thực hiện cam kết phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, thống nhất và phản ánh đúng hiệu quả thực chất của dự án đầu tư;

c) Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh mức hỗ trợ, ưu đãi, thu hồi một phần hoặc toàn bộ ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật;

d) Cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội quy định tại Luật này được áp dụng trên cơ sở kết quả thực hiện các cam kết của nhà đầu tư.

Nội dung cam kết bao gồm các nội dung về chuyển giao công nghệ; nghiên cứu và phát triển; đào tạo nguồn nhân lực là người Việt Nam; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng; chuyển đổi số; chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên, năng lượng và bảo vệ môi trường; nâng cao giá trị gia tăng trong nước và các yêu cầu khác mà nhà đầu tư đã cam kết;

e) Việc áp dụng, điều chỉnh, duy trì hoặc chấm dứt cơ chế ưu đãi, hỗ trợ phải căn cứ vào kết quả thực hiện các cam kết của nhà đầu tư trong suốt quá trình thực hiện dự án.

4b. Khuyến khích tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài công bố nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật và lộ trình nội địa hóa.

4c. Doanh nghiệp trong nước triển khai dự án đầu tư trong các ngành, lĩnh vực quy định tại điểm a khoản 4 Điều này được vay vốn, hỗ trợ tín dụng từ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới Công nghệ quốc gia để mua công nghệ hoặc góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp tại nước ngoài.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối

với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 7 Điều 14 của Luật này.

6. Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

7. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được áp dụng chính sách khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là máy móc, thiết bị, dây chuyền, công nghệ nhằm đáp ứng tiêu chí chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái. Mức khấu hao cụ thể được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trình tự, thủ tục áp dụng khấu hao nhanh được thực hiện theo quy định pháp luật về khấu hao.

8. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong các ngành, lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 4 Điều này được Chính phủ xem xét áp dụng cơ chế đàm phán gói chính sách ưu đãi, hỗ trợ vượt trội gắn với kết quả thực hiện cam kết. Chính phủ quyết định tiêu chí, điều kiện, gói chính sách ưu đãi, hỗ trợ vượt trội đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đặc thù của từng ngành, lĩnh vực và cam kết của nhà đầu tư và đàm phán, ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư đối với nhà đầu tư.”.

7. Bổ sung Điều 17a vào sau Điều 17 như sau:

“Điều 17a. Cơ chế đặc thù thu hút đầu tư của các địa phương

1. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định sử dụng ngân sách của địa phương để hỗ trợ chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này nhằm thu hút các dự án đầu tư chiến lược, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiêu chí, điều kiện, quy trình, thủ tục, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

2. Hội đồng nhân dân các địa phương là đô thị đặc biệt theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị được quyết định áp dụng các cơ chế, thủ tục đặc thù về đầu tư giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước, xây dựng, phòng cháy chữa cháy cho các dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 của Luật này.”.

8. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 4 Điều 23 như sau:

“đ) Trường hợp khác không thuộc diện đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 24 như sau:

“10. Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao khu vực biên, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.”.

10. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 28 như sau:

“1a. Trường hợp dự án thuộc một trong các ngành, lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 của Luật này và nằm ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu chức năng trong khu kinh tế, nhà đầu tư được lựa chọn đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này đối với dự án đầu tư.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31 như sau:

“2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm; dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, **khu công nghiệp sinh thái, khu công nghệ số tập trung; dự án thuộc diện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 17 của Luật này thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư có thể dài hơn nhưng không quá 70 năm.”.**

12. Bổ sung Điều 44a vào sau Điều 44 như sau:

“Điều 44a. Quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư

1. Việc quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư được thực hiện theo toàn bộ vòng đời của dự án, bao gồm các giai đoạn sau:

- a) Xúc tiến đầu tư;**
- b) Lựa chọn nhà đầu tư;**
- c) Quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;**
- d) Triển khai thực hiện dự án;**
- đ) Theo dõi, đánh giá, hỗ trợ trong quá trình hoạt động;**
- e) Điều chỉnh, mở rộng dự án;**
- g) Chấm dứt hoạt động dự án.**

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ, giám sát, kiểm tra, đánh giá đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 của Luật này.”.

13. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 45 như sau:

“6a) Đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư

a) Hiệu quả hoạt động đầu tư được đánh giá trên cơ sở chất lượng, hiệu quả, tính bền vững và mức độ đóng góp thực chất của dự án đầu tư đối với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tự chủ của nền kinh tế.

b) Việc đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư phải bảo đảm khách quan, toàn diện, công khai, minh bạch; kết hợp giữa đánh giá định lượng và định tính; lấy hiệu quả thực chất, giá trị gia tăng và tác động lan tỏa làm căn cứ chủ yếu để xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

c) Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung, tiêu chí, phương pháp đánh giá và cơ chế theo dõi hiệu quả hoạt động đầu tư.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

“Điều 46. Xây dựng nền tảng số, cơ sở dữ liệu lớn về đầu tư trực tiếp nước ngoài tích hợp trên Cổng đầu tư một cửa quốc gia

1. Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư bao gồm:

- a) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong nước;
- b) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam;
- c) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài;
- d) Hệ thống thông tin quốc gia về xúc tiến đầu tư;
- đ) Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế;
- e) Hệ thống thông tin quốc gia về các nội dung quản lý đầu tư khác.

1a. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư gồm các cơ sở dữ liệu thành phần phục vụ quản lý các lĩnh vực đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư được tích hợp, đồng bộ, kết nối và chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành Cổng đầu tư một cửa quốc gia; phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tổ chức kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu đầu tư trên phạm vi toàn quốc.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và nhà đầu tư có trách nhiệm cập nhật, cung cấp và được quyền khai thác dữ liệu trên Cổng đầu tư một cửa quốc gia theo phân cấp quản lý, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời.

4. Thông tin về dự án đầu tư lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư có giá trị pháp lý là thông tin gốc về dự án đầu tư.

4a. Tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư trong phạm vi dữ liệu được phép tiếp cận theo quy định. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và pháp luật có liên quan:

a) Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và Cơ quan đăng ký đầu tư cung cấp thông tin được lưu giữ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư và phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và Cơ quan đăng ký đầu tư có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin, bảo đảm việc nâng cấp, duy trì, vận hành Cổng một cửa đầu tư quốc gia.

5. Chính phủ quy định chi tiết về ~~hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư Cổng một cửa đầu tư quốc gia.~~”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 như sau:

“1. Chính phủ chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, định hướng xúc tiến đầu tư nhằm thúc đẩy, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư theo ngành, vùng và đối tác phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; bảo đảm thực hiện các chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư có tính liên vùng, liên ngành, gắn kết với xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch và **thu hút đầu tư theo số lượng sang thu hút có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, tác động lan tỏa, liên kết và đóng góp thực chất cho phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu chủ yếu.**”;

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

...

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn